**GV: Phạm Thị Mận**

**Email: manmuingoc@gmail.com**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**I. Khung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng điểm** | | | ***2,5*** | ***0,5*** | ***1,5*** | ***1,5*** | ***0*** | ***3,0*** | ***0*** | ***1,0*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | | **100%** |

**II. Bảng đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **Nhận biết:**  - Đề tài, bối cảnh, cốt truyện, tình huống, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong truyện cười.  - Các yếu tố gây cười trong truyện cười.  - Đối tượng trào phúng, châm biếm trong  truyện cười.  - Các trợ từ, thán từ  - Các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được tình cảm, thái độ của tác giả dân gian với đối tượng trào phúng thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của các chi tiết, tình huống gây cười.  - Xác định được nghĩa một số câu tuc ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ẩn; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của truyện cười | 5TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** |  | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TL** | **2TL** | **1TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **30** | **30** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**Lưu ý:**

(1\*) Một đoạn văn/bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

**III. Đề bài**

**Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc câu chuyện sau và thực hiện các yêu cầu:**

**CHÀO HỎI**

*Anh chàng nọ ở nhà vợ tại một vùng quê, được người nhà dặn là phải luôn chào hỏi mọi người xung quanh.*

*Một hôm, anh ta ra đường và thấy một người đang đốn cành trên một cây cao, liền ra dấu gọi.*

*Người kia dừng việc, lật đật trèo xuống hỏi:*

*– Có chuyện gì thế?*

*– Có gì đâu! Bác làm việc vất vả lắm phải không?*

(Theo truyện dân gian Việt Nam)

**Lựa chọn phương án trả lời đúng từ câu 1 đến câu 8**

**Câu 1:** Truyện thuộc thể loại nào?

A. Nghị luận B. Truyện cười C. Hành chính D. Thơ tự do

**Câu 2.**Trong các từ sau từ nào là từ láy?

A. Lật đật B. Chào hỏi C. Đốn cành C. Cây cao

**Câu 3.** Truyện gây cười ở chi tiết nào?

##### A. Dừng việc, lật đật trèo xuống trả lời câu hỏi của anh đốn cành trên cây cao

B. Ra dấu gọi người đang đốn cành trên cây cao của anh chàng rể nọ

C. Câu hỏi của anh chàng rể nọ: “*Có gì đâu! Bác làm việc vất vả lắm phải không?”*

D. Chàng rể nghe lời người nhà dặn: phải luôn chào hỏi mọi người xung quanh nên đã gọi người đang đốn cành trên cây cao xuống để hỏi : *“Bác làm việc...”*

**Câu 4.** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ: “***Đốn***” trong cụm từ “*đốn cành trên một cây cao”?*

A. Chặt, đẵn hết cành cây để lấy củi, gỗ B. Chặt bỏ cây không còn tươi tốt

C. Chặt, đẵn bớt cành để cho ra nhánh mới D. Chặt cành cây để làm củi đốt

**Câu 5.** Câu tục ngữ nào phù hợp nhất với ý nghĩa của truyện?

A. Ăn có nhai, nói có nghĩ B. Lời nói đọi máu

C. Lời chào cao hơn mâm cỗ D. Đi hỏi về chào

**Câu 6.** Câu hỏi thăm của anh chàng rể nọ:*“Có gì đâu! Bác làm việc vất vả lắm phải không?”* thể hiện điều gì trong giao tiếp?

A. Lịch sự nhưng lại bị coi là thiếu tế nhị khi làm phiền đến người khác và không phù hợp với tình huống giao tiếp

B. Lịch sự vì biết chào hỏi khi gặp người khác

C. Lịch sự vì lời chào hỏi phù hợp với tình huống giao tiếp

D. Lịch sự vì biết quan tâm đến người khác

**Câu 7**. Đặt trong câu chuyện, câu nào sau đây mang nghĩa hàm ẩn cho lời chào hỏi?

A. Người kia dừng việc, lật đật trèo xuống hỏi

B. Có chuyện gì thế?

C. Bác làm việc vất vả lắm phải không?

D. Có gì đâu!

**Câu 8.** Dòng nào sau đây **không** phải là nghệ thuật của truyện?

A. Cốt truyện đơn giản, ít nhân vật B. Sử dụng ngôi kể thứ nhất

C. Sử dụng ngôn ngữ và các thủ pháp trào phúng D. Kết thúc truyện cười bất ngờ

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9 (1,0 điểm).** Qua câu chuyện, tác giả dân gian muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

**Câu 10 (1,0 điểm**)**.** Em có suy nghĩ gì về cách sử dụng lời chào hỏi của bản thân và bạn bè xung quanh trong môi trường học đường? ( Trình bày bằng đoạn văn khoảng 5 câu)

**Phần II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về thói quen sống dựa dẫm ỷ lại của không ít các bạn trẻ hiện nay.

**.............................Hết...........................**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu** | **1** | **B** | **0,5** |
| **2** | **A** | **0,5** |
| **3** | **D** | **0,5** |
| **4** | **C** | **0,5** |
| **5** | **A** | **0,5** |
| **6** | **A** | **0,5** |
| **7** | **C** | **0,5** |
| **8** | **B** | **0,5** |
| 9 | Thông điệp:  - Chào hỏi là phép lịch sự trong giao tiếp, là điều cần thiết trong cuộc sống  - Cần biết sử dụng lời chào hỏi phù hợp với tình huống giao tiếp, nếu không sẽ là hành động làm phiền đến người khác | **0,5**  **0,5** |
| 10 | HS liên hệ thực tế việc chào hỏi của bản thân và bạn bè  - Chào hỏi đúng cách  - Chưa biết chào hỏi hoặc không chào hỏi  - Sử dụng lời chào miễn cưỡng, thiếu tôn trọng...  *Hướng dẫn chấm: HS không viết thành đoạn văn chỉ gạch ý trừ 0,25 điểm* | **1,0** |
| **II. Viết** |  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | **0,25**  **0,25** |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Bàn về lòng nhân ái trong cuộc sống. |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:* HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Mở bài:** Nêu vấn đề nghị luận (một thói xấu của con người: Dựa dẫm ỷ lại vào người khác).  **\* Thân bài:**  - Làm rõ vấn đề nghị luận  - Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.  - Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của người viết và tranh luận với ý kiến đó.  **\* Kết bài**: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học. | **0,5**  **2,0**  **9,5** |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | **0,25**  **0,25** |
| *e. Sáng tạo:* Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh. |